

## **Cơ Cấu, Chức năng, quan hệ thân tộc của gia đình ở một xã nông thôn Bắc Bộ**

LÊ NGỌC VĂN\*

Trong thời gian gần đây, những đổi mới trong cơ chế quản lý nông nghiệp, đặc biệt là chính sách lấy hộ làm đối tượng khoán sản phẩm đã có tác động mạnh mẽ đến đời sống gia đình nông thôn. Nhiều câu hỏi đã được đặt ra: Khi các hộ gia đình ở nông thôn trở thành những đơn vị kinh tế tự chủ thì nó phải được tổ chức lại như thế nào để đảm nhận được vai trò mới? Với tư cách là một đơn vị sản xuất cơ bản, những chức năng của gia đình, qui mô gia đình, các mối quan hệ trong hôn nhân, quan hệ vợ chồng, quan hệ cha mẹ - con cái, quan hệ họ hàng thân tộc xóm giềng, địa vị của người phụ nữ trong gia đình, những định hướng giá trị của gia đình nông thôn sẽ thay đổi ra sao và theo xu hướng nào phải chăng cơ cấu, chức năng và các mối quan hệ họ hàng thân tộc trong gia đình nông thôn truyền thống đang được tái sinh trở lại trong tình hình mới? Cơ cấu, qui mô của gia đình nông thôn hiện nay sẽ thuận lợi hay không thuận lợi cho việc thực hiện các chức năng xã hội của gia đình trước yêu cầu phát triển sản xuất hàng hóa, công nghiệp và đô thị hóa nông thôn? Để phát huy vai trò của gia đình với tư cách là nhân tố đóng góp vào sự tồn tại và phát triển của hệ thống xã hội và bảo đảm hạnh phúc cá nhân, nhà nước cần phải có những tác động như thế nào đối với gia đình nông thôn?

Để góp phần trả lời những câu hỏi trên đây, chúng tôi đã tiến hành một cuộc nghiên cứu thực nghiệm tại xã Cát Quế huyện Hoài Đức tỉnh Hà Tây, một xã có trình độ phát triển trung bình của nông thôn Bắc Bộ.

Mục đích và mong muốn của chúng tôi là làm sao qua điều tra thực tế có thể nhận dạng được thực trạng cơ cấu, chức năng và các mối quan hệ thân tộc của gia đình nông thôn hiện đại, hy vọng lấy đó làm căn cứ tiến tới lý giải những vấn đề mà thực tế cuộc sống đang đặt ra đối với gia đình nông thôn nước ta hiện nay.

### **1. Những đặc điểm về cơ cấu gia đình của xã Cát Quế.**

#### *a) Số lượng các thành viên trong gia đình.*

Không có sự khác biệt lớn về số lượng thành viên trong gia đình giữa các thôn làng, giữa các nghề nghiệp. Điều tra mẫu ở 3 thôn cho thấy, số người trung bình trong gia đình ở thôn Xuân Thắng (A) là 5,9, thôn Tam Hợp (B) là 6,1 và thôn Cát Ngòi (C) là 5,9. Tính chung trong toàn xã, trung bình một gia đình có 6 người. Hộ thuần nông<sup>1</sup> có số người trung bình là 5,8; hộ nông nghiệp + ngành nghề thủ công (2) là 6,3; hộ nông nghiệp + buôn bán dịch vụ (4) là 6,71 hộ phi nông nghiệp (5) là 6. Những gia đình ở độ tuổi 40-49 (I/ có số người trung bình lớn hơn những gia đình ở độ tuổi khác: 6,5 người; gia đình có độ tuổi từ 50 trở lên là 6,2; gia đình có độ tuổi 30-39 tuổi là 5,7 và gia đình ở độ tuổi dưới 30 tuổi là 4,8 người; số gia đình có số người trung bình từ 4 người trở lên chiếm 92,1% trong khi số gia đình số người từ 1-3 người chỉ có 7,9%. Số con trung bình có sự khác nhau rõ rệt giữa các cặp vợ chồng mà trình độ văn hóa khác nhau: những cặp vợ chồng mà người được phỏng vấn ở trình độ văn hóa cấp I và mũ chữ có số con trung bình là 5,9; cặp vợ chồng người được phỏng vấn có trình độ cấp II là 3,5 và cặp vợ chồng người được phỏng vấn có trình độ cấp III là 2,6. Số con trung bình tăng lên theo độ tuổi của cặp vợ chồng. Các cặp vợ chồng mà người được phỏng vấn dưới 30 tuổi có số con trung bình là 1,8; từ 30-39 tuổi là 3,6; từ 40-49 là 4,9 và 50 tuổi trở lên là 5,6. Giữa các thôn sự khác biệt về con số trung bình cũng không đáng kể: số con trung bình của thôn Xuân Thắng (A) là 4,3, Tam Hợp (B) là 4,3 và Cát Ngòi (C) là 4,1. Tính chung trong toàn xã mỗi cặp vợ chồng có số con trung bình là 4,2.

- Số lao động trung bình trong một gia đình có sự khác biệt theo độ tuổi của cặp vợ chồng (nhưng không lớn lắm) và không có sự khác biệt giữa các trình độ văn hóa và giữa các thôn; số lao động trung bình của gia đình

\* Cán bộ nghiên cứu, Phòng Xã hội học Dân số và Gia đình - Văn Xã hội học

<sup>1</sup>. Độ tuổi gia đình" ở đây chỉ độ tuổi của người được phỏng vấn là vợ hoặc chồng (thường là chủ hộ).

dưới 30 tuổi là 2,3; 30-39 tuổi là 2,3; 40-49 là 2,7 và 50 tuổi trở lên là 3,0.

Những hộ thà người được phỏng vấn có trình độ văn hóa cấp I và mù chữ có số lao động trung bình là 2,7; cấp II là 2,5 và cấp III là 2,4. Các hộ ở thôn Xuân Thắng có số lao động trung bình là 2,7; Tam Hợp 2,5; Cát Ngòi 2,6. Số lao động trung bình toàn xã là 2,6 lao động.

b) *Các loại hình gia đình:*

*Số thế hệ trong gia đình* : Gia đình hai thế hệ và ba thế hệ là hình thức sinh sống chủ yếu của gia đình ở Cát Quế, chiếm 90,9% (trong đó số gia đình hai thế hệ là 61,57; gia đình ba thế hệ là 29,4; gia đình một thế hệ là 2,3%; gia đình bốn thế hệ trở lên 4%.

*Cơ cấu nghề nghiệp của hộ gia đình* : Cát Quế là một xã rất đa dạng về nghề nghiệp.

Ngoài sản xuất nông nghiệp, có các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, buôn bán, dịch vụ, đi làm thuê... Trong đó những hộ thuần nông chiếm 34,8% Hộ nông nghiệp ngành nghề thủ công: 34,8% Hộ nông nghiệp + buôn bán dịch vụ: 17,4%; hộ nông nghiệp + ngành nghề + buôn bán dịch vụ 3,3% hộ phi nông nghiệp 1,3%. Có sự khác biệt giữa các thôn trong cơ cấu nghề nghiệp. Thôn Cát Ngòi 100% số người được phỏng vấn trả lời rằng gia đình họ làm nông nghiệp là chính. Con số này ở Tam Hợp là 97% và ở Xuân Thắng là 90,9%; ở Cát Ngòi không có hộ nào coi thủ công nghiệp, buôn bán dịch vụ và làm thuê là nghề chính trong khi ở Tam Hợp có 1,5% số hộ coi thủ công nghiệp là nghề chính; 0,7% số hộ coi buôn bán dịch vụ là nghề chính và 0,7% số hộ coi làm thuê là nghề chính. Các con số này ở Xuân Thắng là 4,9%; 0,8% và 3,3%

Ngoài làm ruộng khoán 33,1% số hộ trong toàn xã trả lời có làm thêm thủ công nghiệp (trong đó Xuân Thắng 61,5%; Tam Hợp 16,4% và Cát Ngòi 4,7%); 21,4% số hộ làm thêm buôn bán dịch vụ (trong đó Xuân Thắng 15,6%, Tam Hợp 32,8% và Cát Ngòi 2,3%) 8% số hộ có đi làm thuê (trong đó Xuân Thắng 1,6% Tam Hợp 16,4% Cát Ngòi 0%

- *Cơ cấu thu nhập* : Các hộ ở xã Cát Quế có 9 nguồn thu nhập. Tỷ lệ số hộ trả lời có thu nhập từ các nguồn như sau:

1) Ruộng khoán: 93,6%; 2) Làm ngành nghề thủ công: 34,8%; 3) Buôn bán chạy chợ: 22,4% 4) Đất vườn, đất phân trấu: 23,4%; 5) Làm thuê: 6,4%; 6) Lương hoặc trợ cấp: 7,4%; 7) Chăn nuôi: 1,6%; 8) Người thoát ly gửi về: 0,7% và 9) Nguồn khác: 0,3%

Tỷ trọng nguồn thu nhập của gia đình: ruộng khoán vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong các nguồn thu nhập của gia đình. Kinh tế gia đình (chăn nuôi + đất vườn + đất phân trấu) chiếm vị trí thứ hai rồi mới đến ngành nghề buôn bán và các nguồn thu nhập khác.

c) *Quan hệ giữa các thành viên trong gia đình:*

*c li Quan hệ vợ chồng.*

*Quan hệ tiền hôn nhân:*

+ *Độ tuổi kết hôn*: ở nông thôn Cát Quế nhìn chung là thấp: tuổi kết hôn trung bình của nữ là 20 tuổi, của nam là 23,04 tuổi. Có tới 18,7% nữ và 16,7% nam kết hôn trước tuổi luật định. Tuổi kết hôn của nữ tập trung phổ biến ở độ tuổi 18-22 (chiếm 64,6% Tuổi kết hôn của nam tập trung phổ biến ở độ tuổi 20-25 (chiếm 61,2%) Nữ kết hôn trước tuổi luật định giảm dần theo thời gian, chẳng hạn, trong số những phụ nữ kết hôn trước 18 tuổi thì những người từ 50 tuổi trở lên chiếm 30,2%, 40-49 tuổi chiếm 15,2%; 30-39 tuổi chiếm 13,8% dưới 30 tuổi chiếm 9,1%

+ *Phạm vi lựa chọn hôn nhân* : Chủ yếu trong phạm vi làng xã.

+ *Nghi lễ hôn nhân* : có giảm bớt các nghi thức rườm rà trước và sau hôn nhân như dạm ngõ (chỉ còn 4,7% số người được phỏng vấn cho là nên, lễ gia tiên (17,1%), lại mặt (13,7%). Nhưng. đám cưới vẫn là sự kiện trọng đại của mỗi gia đình và là một sinh hoạt cộng đồng của họ hàng, làng xã. Theo lệ thường đám cưới phải mời tất cả những người họ hàng nội ngoại, gần xa, bạn bè, xóm giềng, và tất nhiên cả những người lãnh đạo trong xã. Tất cả những người đó đều được mời với ý nghĩa là đến "ăn cưới" (theo nghĩa đen chứ không phải chỉ đến dự đám cưới cho vui, còn người được mời có ăn hay không là tùy quan hệ của họ với gia đình. Và dù có ăn hay không ăn thì không có ai phải mừng cưới bằng tiền hay hiện vật. Chỉ mừng bằng lời. Sự có mặt của người được mời chính là điều mừng. Họ mừng gia đình bố mẹ cô dâu chú rể là chính. Họ hàng thì chỉ anh em chú bác, cô dì ruột thịt mới có sự đóng góp vật chất theo khả năng mỗi người (không bắt buộc).

Đám cưới vì thế rất tốn kém (trung bình từ 1-3 triệu đồng). Tất cả những khoản chi phí bố mẹ chú rể, cô dâu phải lo. "Cưới vợ", "gả chồng"! cho con là những từ rất có ý nghĩa ở nông thôn. Chi phí cho đám cưới vẫn như trước đây, bố mẹ phải lo tất cả nhưng cái khác so với hôn nhân trước đây là quyền quyết định của bố mẹ nay giảm đi đáng kể. Chỉ còn 6,4% các bậc bố mẹ trả lời họ có quyền quyết định toàn bộ công việc dựng vợ gả chồng cho con, 45,5% chỉ tham gia góp ý kiến, 57,2% số bố mẹ cho rằng hôn nhân là do con cái họ quyết định

hoàn toàn.

Họ hàng ngày nay càng ít có vai trò lớn trong hôn nhân của nam nữ thanh niên. 73,3% số người cho rằng ý kiến họ hàng không ảnh hưởng gì đến hôn nhân của nam nữ, 17,7% cho rằng có ảnh hưởng một phần chỉ có lẽ cho rằng họ hàng vẫn có vai trò quyết định.

*- Sự phân chia vai trò của vợ chồng trong gia đình.*

Sự phân chia các vai trò của vợ chồng theo giới tính tự nhiên và truyền thống vẫn là nét đặc trưng của gia đình nông thôn ở Cát Quế.

Cả hai vợ chồng đều phải làm công việc đồng áng nặng nhọc với sự hỗ trợ của con cái và ông bà (nếu có), đúng với hình ảnh câu ca dao xưa "chồng cây vợ cấy con trâu đi bừa".

Nhưng nhìn chung người đàn ông ở tất cả các thôn trong xã, ở độ tuổi và trình độ văn hóa khác nhau vẫn gánh vác nhiều hơn phụ nữ.

Ngày nay trên thực tế tuy người chồng ở nông thôn không phải là người chủ của mọi tư liệu sản xuất và phương tiện sinh hoạt trong gia đình nhưng về cơ bản họ vẫn là chủ gia đình. Điều này phải chăng là do di sản của truyền thống để lại? Những công việc lớn của gia đình như mua sắm đồ dùng lớn, đất tiền, sản xuất kinh doanh, quan hệ ngoại giao, tiếp khách, cư xử với hàng xóm... người chồng vẫn giữ phần quyết định nhiều hơn ở tất cả các thôn, các độ tuổi và trình độ văn hóa. Chẳng hạn, trong việc quyết định mua sắm đồ dùng, công cụ sản xuất... người chồng chiếm 30,4%; vợ chỉ có 6,4%; cả hai vợ chồng cùng bàn bạc là 34,4%; bố mẹ 1,3%; con lớn 1,7%; cả nhà bàn bạc 17,1%. Trong sản xuất kinh doanh, chồng quyết định 44,8% vợ 4%, cả hai vợ chồng cùng quyết định 28,8%

Trong khi đó, những công việc như chăn nuôi, tăng gia, cơm nước giặt giũ, mua bán, chợ búa, chi tiêu hàng ngày... thì vẫn như trước đây, người vợ chịu trách nhiệm chính.

Tuy nhiên nếu từ những chi báo trên đây mà đi đến kết luận rằng quan hệ vợ chồng trong gia đình nông thôn hiện đại là bất bình đẳng thì sẽ là vội vã. Bởi lẽ trước hết trong gia đình sự phân công lao động theo giới tính và độ tuổi là rất tự nhiên do đó người chồng và người vợ sẽ có những vai trò khác nhau trong các công việc gia đình; hai là những công việc lớn, quan trọng của gia đình tuy người chồng đưa ra quyết định cuối cùng nhưng không phải theo quan niệm "phu xướng phụ cùng" mà đã được bàn bạc với vợ và được vợ nhất trí; ba là tỷ lệ phần trăm cả hai vợ chồng cùng quyết định các công việc quan trọng trong gia đình là rất cao so với tỷ lệ riêng chồng hoặc vợ quyết định.

*- Xung đột vợ chồng và ly hôn.*

Có hai nhóm lý do dẫn đến mâu thuẫn, xung đột vợ chồng, trước hết liên quan đến bản thân mối quan hệ vợ chồng và hai là mối quan hệ bên ngoài gia đình. Phần lớn xung đột nảy sinh từ quan hệ vợ chồng, những yếu tố bên ngoài ảnh hưởng không lớn. Chẳng hạn chỉ có 1,7% số người được phỏng vấn trả lời rằng mâu thuẫn của vợ chồng họ là do cách ứng xử với họ hàng thân tộc và hàng xóm láng giềng; 5,4% do cách đối xử của bố mẹ hai bên. Trong nhóm lý do "bên trong" thì sự "thiếu thốn về kinh tế" là quan trọng hơn cả dẫn đến xung đột vợ chồng, chiếm 28,1%; lý do tính tình không hợp" 11,7% do "cách dạy dỗ con cái" 9,4% do "không hài lòng về nhau 6%; do "ghen tuông" 0,7%; do "không thủy chung" 1%; do thực hiện kế hoạch hóa gia đình" 0,3%. Trong cách giải quyết xung đột vợ chồng, yếu tố "cả hai cùng nhường nhịn, thông cảm" được chấp nhận nhiều hơn cả (49,8%) trong khi đó các yếu tố "vợ nhường nhịn, chịu đựng chồng" chỉ có 4,3% số người đồng ý, "chồng nhường nhịn vợ" chỉ có 1,3%; "nhờ bố mẹ hai bên can thiệp" 3,3%; "nhờ các tổ chức quần chúng giải quyết" 0,3%... Những cặp vợ chồng dưới 30 tuổi, sự nhường nhịn, thông cảm lẫn nhau ít hơn (34%) so với các cặp vợ chồng tuổi từ 30 trở lên (52,7%). Phương hướng "nhờ bố mẹ hai bên can thiệp" để giải quyết xung đột ở những cặp vợ chồng dưới 30 tuổi cũng phổ biến hơn so với các cặp vợ chồng từ 30 tuổi trở lên (45,5% so với 3%).

Ly hôn ở nông thôn chưa phải là hiện tượng phổ biến nhưng đáng lo ngại vì có xu hướng gia tăng. Theo số liệu thống kê trong vòng 10 năm (1981 - 1990) cả xã có 125 vụ ly hôn trên tổng số 1250 cuộc kết hôn, trung bình mỗi năm có 12,5 vụ ly hôn, chiếm khoảng 10% số cuộc kết hôn. Riêng năm 1989 có 16 cặp ly hôn trên 123 cặp kết hôn, chiếm khoảng 13% số cuộc kết hôn. Một trong những nguyên nhân của các ly hôn là do thanh niên nông thôn kết hôn quá sớm, chưa có sự chuẩn bị đầy đủ về tâm lý, tình cảm, vật chất, thiếu sự hiểu biết lẫn nhau do thời gian tìm hiểu quá ngắn, trong khi những đòi hỏi của họ về phẩm chất của người bạn đời bắt đầu tăng lên. Mặt khác vẫn còn những cuộc kết hôn gượng ép, theo ý muốn của cha mẹ, kết quả chỉ 3-6 tháng sau đôi vợ chồng trẻ đã làm đơn xin chia tay.

Ly hôn là điều không đáng mong muốn. Song ngày nay ở nông thôn, dư luận cũng ít khắt khe hơn với chuyện bỏ vợ bỏ chồng. Chứng cứ là trong khoảng 10 năm trở lại đây những người phụ nữ ly hôn trong xã đã tái hôn một cách dễ dàng.

c. 2) *Quan hệ giữa các thế hệ trong gia đình*

Trong mối quan hệ cha mẹ - con cái, con cái đáp ứng những yêu cầu như "thỏa mãn tình cảm" (17,4%), "nổi dỗi" (69,2%), "nuông tựa lúc tuổi già" (70,6%) "tăng nguồn lao động" (37,5%), "củng cố hạnh phúc" (10,7%) và những nhu cầu khác (2%). ở những cặp vợ chồng trẻ dưới 30 tuổi, chức năng tình cảm của đứa con cao hơn (29,5%) so với các cặp vợ chồng cao tuổi. Cặp vợ chồng 30-39 tuổi là 22,5; 40-49 tuổi là 15,2% 50 tuổi trở lên là 9,4%. Những cặp vợ chồng có trình độ văn hóa cấp III, nhu cầu thỏa mãn tình cảm ở đứa con cũng cao hơn các cặp vợ chồng cấp II và cấp I (40%; 19,5% và 13,3%).

Mục tiêu "nổi dỗi" và "nuôi nương tựa lúc tuổi già" vẫn chiếm vị trí nổi bật trong mối quan hệ bố mẹ-con cái ở gia đình nông thôn hiện nay so với các mục tiêu khác (69,2% và 70,6%). Nhưng cả hai mục tiêu quan trọng đó đều nhằm vào đứa con trai cho nên mặc dù "con nào cũng là con" nhưng chưa có con trai thì không thể yên tâm được. Trả lời câu hỏi quy con nào hơn" 43,1% số người nói con trai con gái như nhau; 56,5% quý con trai hơn, không có ai trả lời quý con gái hơn. Ở Cát Quế, chỉ có con trai (chủ yếu là con trai trưởng) mới có quyền kế thừa gia sản của bố mẹ, mới được tham dự các cuộc họp họ, giỗ tổ. Bố mẹ về già sẽ ở với con trai trưởng, các con khác (cả trai, cả gái) không có trách nhiệm phải đóng góp nuôi dưỡng cha mẹ già. Đó là bổn phận của anh trưởng. Sau này bố mẹ mất đi anh trưởng còn có nhiệm vụ lo tang ma, thờ cúng.

Trách nhiệm lớn nhất của các bậc cha mẹ ở nông thôn là lo cho tất cả các con (cả con trai, con gái) thành gia thất. Cưới vợ cho con trai, gả chồng cho con gái là bổn phận, nỗi lo và niềm hạnh phúc của cha mẹ.

c. 3) *Quan hệ gia đình - họ hàng thân tộc.* Ngày nay tổ chức thân tộc ở nông thôn không còn chức năng xã hội được pháp luật quy định như trước đây, cơ sở kinh tế (ruộng họ) cũng không còn khi toàn bộ ruộng đất ở nông thôn thuộc về sở hữu của Nhà nước. Song các mối quan hệ họ hàng thân tộc thì vẫn được duy trì. Bởi vì đó là sự phát triển tự nhiên của gia đình trên cơ sở quan hệ hôn nhân và quan hệ huyết thống. 86,6% số người được hỏi cho rằng họ thường xuyên họp họ; người ta có xu hướng tìm về cội nguồn, các nhà thờ họ được tu bổ, khôi phục, gia phả tổ tiên được trân trọng và cất giữ cẩn thận.

Trong tình hình cuộc sống nông thôn còn rất nhiều khó khăn vất vả, thường xuyên biến động, sản xuất phụ thuộc vào thiên nhiên, những truyền thống tốt đẹp "chi ngã em nâng", "lá lành đùm lá rách", "tắt lửa tối đèn có nhau", "sống có trong họ ngoài làng" là những nét đẹp điển hình vẫn được duy trì. Số liệu điều tra cho thấy sự giúp đỡ của họ hàng đối với các gia đình khi gặp khó khăn về vật chất và an ủi về tinh thần vẫn rất đáng kể so với các tổ chức xã hội khác (xem bảng 1).

**Bảng 1 Sự giúp đỡ về vật chất, tinh thần lúc khó khăn**

Người giúp đỡ	Giúp Vật chất		Giúp tinh Thần	
Bố mẹ, anh chị em	176	58,9	201	67,2
Họ hàng	114	38,1	90	30,1
Hàng xóm đồng nghiệp	50	16,7	61	20,4
Bạn bè	14	4,3	10	3,3
Chính quyền, hợp tác xã	4	1,3		

Xu hướng phát triển của quan hệ thân tộc hiện nay vẫn dùng hình thức của mối quan hệ như họp họ, phân biệt nội tộc, ngoại tộc, trật tự trên dưới theo hệ thống tên gọi, có gia phả tổ tiên, có nhà thờ họ...

Trong khung cảnh nông thôn chuyển sang sản xuất hàng hóa, tiền bạc có nguy cơ phá vỡ quan hệ tình nghĩa truyền thống tốt đẹp, giữa con người với con người, quan hệ thân tộc có thể góp phần điều tiết các mối quan hệ đó.

Quan hệ thân tộc vốn là đặc trưng cho gia đình nông thôn Bắc Bộ trong lịch sử. Ngày nay tình hình xã hội và gia đình đã thay đổi, quan hệ thân tộc cũng đang được tổ chức lại. Vấn đề là nó có chuyển sang được những chức năng mới hay không Nó có làm giá đỡ cho các quan hệ làm ăn, quan hệ tiền bạc, quan hệ kinh tế mới ở nông thôn hay không? Đó là những câu hỏi cần phải tiếp tục trả lời.

Nông thôn Bắc Bộ ngày nay không phải chỉ là di sản của những lǎng cấu trúc cổ truyền dựa trên quan hệ làng họ mà đã phát triển thêm nhiều làng mới với những cấu trúc mới dựa trên quan hệ xóm làng, quan hệ kinh tế. Đó là những làng ven sông, ven đường quốc lộ, thuận lợi cho sự làm ăn. Ở xã Cát Quế tình hình cũng tương tự như vậy. Thôn Xuân Thắng là sự tiếp tục của làng họ trong lịch sử, quan hệ thân tộc ở đây vốn rất chặt chẽ, nhưng do các quan hệ kinh tế phát triển đã làm mất đi các chức ǎng cổ truyền của quan hệ thân tộc.

Ba thôn Tam Hợp, Cát Ngòi và Thấp Thượng là những làng mới hình thành, quan hệ thân tộc không chặt chẽ lắm. Song sự phát triển của quan hệ thân tộc ở những làng mới này theo xu hướng nào còn tùy thuộc vào quan hệ kinh tế xã hội ở đây phát triển ra sao.

## 2. Những đặc điểm về chức năng gia đình nông thôn Cát Quế

Cũng như nhiều vùng nông thôn khác, ở Cát Quế trong cơ chế khoán hiện nay, chức năng kinh tế của gia đình đang nổi lên và giữ một vai trò quan trọng trong các chức năng xã hội gia đình nông thôn. Gia đình vừa là đơn vị tổ chức sản xuất vừa là đơn vị tổ chức tiêu dùng, bảo đảm đời sống vật chất, sinh hoạt cho các thành viên.

Cát Quế là một xã rất đa dạng về ngành nghề, sản xuất ngành nghề lại gắn bó với thị trường, phân lớn các hộ gia đình phát triển sản xuất theo hướng kinh doanh tổng hợp. Ngay cả những hộ được coi là "thuần nông" thì nguồn thu nhập cũng không phải chỉ dựa vào sản phẩm cây lúa. Ở những hộ này chăn nuôi và hoa màu là nguồn thu nhập đáng kể và là những sản phẩm hàng hóa. Trong số những sản phẩm của gia đình đem bán có 83,3% là sản phẩm từ chăn nuôi, 34,4% là sản phẩm từ ngành nghề, 30,1% là sản phẩm từ hoa màu, chỉ có 5,4% số hộ nói không có sản phẩm để bán.

Theo thống kê của xã đa số hộ vừa làm ruộng khoán vừa kết hợp ngành nghề, dịch vụ. Các nghề kết hợp với ruộng khoán gồm có nghề mật (400 hộ), nghề làm bột (150 hộ), nghề nấu rượu (1000 hộ), nghề làm mì gạo (20 hộ), nghề làm miến (100 hộ), nghề làm nha (40 hộ).

Các dịch vụ kết hợp với ruộng khoán gồm có: dịch vụ than, củi (5 hộ); dịch vụ bột làm mì gạo, miến, nha (90 hộ); dịch vụ mua bán mía làm mật (75 hộ); dịch vụ mua bán gạo tẩm nấu rượu (50 hộ); thu mua bán miến (15 hộ); thu mua bán mật (lo hộ); mua bán nhu yếu phẩm (150 hộ); bán rau quả tại chợ (5 hộ); bán thịt lợn (5 hộ); bán thịt trâu bò (2 hộ); may mặc quần áo (25 hộ); sửa chữa cơ khí điện máy (11 hộ); xay sát gạo, nghiền bột (20 hộ); đầu thầu gạch, vôi, ngói (2 hộ); đầu thầu dịch vụ văn hóa: kịch, phim ảnh, vi deo (5 hộ); bán nguyên vật liệu xây dựng (xi măng, sắt, thép, gạch, vôi, cát...) (5 hộ).

Số hộ vừa làm ruộng khoán vừa chăn nuôi lợn là 1764 hộ, trong đó nuôi lợn thịt (1089 hộ), nuôi lợn bột (675 hộ), nuôi lợn nái (254 hộ).

Số hộ vừa làm ruộng khoán vừa làm thuê 143 hộ, trong đó làm các việc trong nông nghiệp (cày, bừa, cấy, gặt...) là 25 hộ và làm thuê các nghề phi nông nghiệp (nha, miến, mật...) là 20 hộ... Chức năng sinh đẻ của gia đình nông thôn Cát Quế có ý nghĩa quan trọng. Những cặp vợ chồng trẻ trong các gia đình hạt nhân đang gặp phải mâu thuẫn: một mặt muốn kéo dài thời gian son rỗi để tích lũy vốn, của cải cho kinh doanh và làm giàu, mặt khác, muốn sớm sinh con và số con không ít lắm. Với số con trung bình là 4,2/gia đình, chỉ có 20,4% số người cho là nhiều, 59,2% cho là đủ và 17,1% vẫn cho là ít. Việc sinh con không những có ý nghĩa nối dõi, nơi nương tựa lúc tuổi già mà còn để tăng nguồn lao động vốn rất thiếu trong đơn vị sản xuất gia đình.

Chức năng giáo dục con cái chưa có những thay đổi đáng kể. Phần lớn trẻ em nông thôn phát triển theo lối tự nhiên: một đứa trẻ sinh ra điều quan trọng nó là trai hay gái. Con trai hay gái thì nó sẽ khắc ǎn, khắc lớn, khắc học, khắc biết. Phần lớn các cặp vợ chồng ở nông thôn không hình dung rõ phải giáo dục con như thế nào, giáo dục cái gì ở từng lứa tuổi, cũng không có thời gian cụ thể dành cho việc chăm sóc giáo dục con. Việc kết hợp giữa gia đình - nhà trường - xã hội trong việc giáo dục con em cũng không được đề cập tới một cách thỏa đáng. Trên cơ sở một số kết quả nghiên cứu vừa trình bày, chúng tôi xin nêu lên những nhận xét bước đầu về gia đình nông thôn Cát Quế, trong quá trình đổi mới cơ chế quản lý trong nông nghiệp những năm gần đây.

1- Thiết chế gia đình đang được củng cố trở lại. Khi chưa có chính sách khoán sản phẩm trong nông nghiệp đến nhóm và người lao động, đơn vị sản xuất ở nông thôn là hợp tác xã. Hợp tác xã là người tổ chức điều hành sản xuất. Ngày nay việc tổ chức và điều hành sản xuất chuyển sang cho các gia đình. Ngoài làm ruộng khoán các gia đình có thể chủ động mở mang sản xuất tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, buôn bán, chăn nuôi, làm vườn...

tùy theo khả năng và trình độ của từng hộ. Gia đình không những là đơn vị tiêu thụ mà đã trở thành một đơn vị sản xuất, kinh doanh độc lập ở nông thôn. Chức năng gia đình thay đổi, cơ cấu gia đình cũng thay đổi. Gia đình được tổ chức sắp xếp lại trên cơ sở hợp tác và phân công lao động, trách nhiệm giữa các thành viên theo giới tính, độ tuổi, năng lực và sức khỏe. Sự phân công đó cho phép phát huy và tận dụng hết khả năng lao động của mỗi thành viên trong tổ chức gia đình. Mỗi quan hệ gắn bó, tinh thần cộng đồng của các thành viên được nâng cao trên cơ sở liên kết trách nhiệm và cùng chung một lợi ích.

Đã có một thời và có những nơi định hướng giá trị của thanh niên nông thôn là rời bỏ quê hương, đi thoát ly làm cán bộ, công nhân trong biên chế nhà nước nhưng ở Cát Quế, tình hình không hoàn toàn như vậy. Cát Quế là một xã có rất ít người thoát ly. Theo thống kê của xã, tổng số khẩu thoát ly vào khu vực cơ quan - xí nghiệp nhà nước trong vòng 30 năm qua (1960-1990) chỉ có 25 người. Rất nhiều thanh niên cho biết mục tiêu của họ là ở lại quê hương củng cố gia đình và lo làm giàu. Cát Quế cũng là xã có nhiều học sinh bỏ học. Hàng năm có 15% học sinh bỏ học ở cấp I, 80% học sinh bỏ học ở cấp II, hầu như không có học sinh thi vào các trường cao đẳng, đại học và trung học chuyên nghiệp.

2- Cấu trúc của gia đình hiện nay có nhiều nét mang dáng dấp của gia đình nông thôn trong truyền thống: quy mô gia đình lớn, gia đình là đơn vị sản xuất, đàn ông là chủ gia đình, con trai vẫn được quý trọng hơn con gái (được kế thừa gia sản, có trách nhiệm phụng dưỡng cha mẹ, thờ cúng tổ tiên, nối dõi tông đường), các quan hệ dòng họ được phục hồi, nam nữ thanh niên lấy vợ lấy chồng sớm, v.v... Đó là những đặc điểm của gia đình trong các xã hội sản xuất nông nghiệp khi trình độ sản xuất còn thấp kém, tư liệu sản xuất vẫn nằm trong các hộ gia đình, sự phân hóa chưa sâu sắc, tính bình quân vẫn còn là tâm lý phổ biến.

Tuy nhiên không thể đi đến kết luận rằng cấu trúc của gia đình nông thôn hiện nay là sự phục hồi, là sự tái sinh cấu trúc gia đình nông thôn Việt Nam trong truyền thống. Những biến đổi của gia đình nông thôn trong những năm vừa qua là sự phủ định mô hình gia đình được mô phỏng theo kiểu gia đình đô thị hiện đại thời kỳ hợp tác xã để nối lại sự đứt đoạn giữa gia đình truyền thống và gia đình hiện đại. Gia đình nông thôn ngày nay có nhiều yếu tố đồng cấu trúc với gia đình nông thôn trong truyền thống nhưng mặt khác đã và đang xuất hiện nhiều đặc điểm mới khác với gia đình truyền thống: Phạm vi sản xuất của gia đình nông dân hiện đại mở rộng, tính chất sản xuất cũng thay đổi, theo hướng sản xuất hàng hóa, quan hệ thị trường bắt đầu chi phối sản xuất ở nông thôn, thế độc canh và tự cung tự cấp vốn là đặc điểm cố hữu của gia đình nông thôn truyền thống đã dần dần bị xóa bỏ. Nông dân bắt đầu không chỉ sản xuất để tiêu dùng mà hướng tới sản xuất để bán.

Xu hướng chuyển sang sản xuất ngành nghề khá rõ nét, nguồn thu nhập từ sản phẩm phi nông nghiệp, ngành nghề, buôn bán, dịch vụ... đang có xu hướng quyết định sự tồn tại của gia đình nông dân khi dân số gia tăng mà ruộng đất ngày càng thu hẹp lại. Đối với gia đình nông thôn truyền thống, sản xuất nhanh nghề nếu có cũng chỉ là phân bổ sung cho cây lúa, được làm trong những lúc nông nhàn và làm có tính chất tự cung tự cấp. Ngày nay nhiều gia đình nông thôn đã lấy sản xuất ngành nghề làm nghề chính, làm quanh năm, sản xuất hướng vào thị trường. Một số gia đình nông thôn khác chuyển hẳn sang làm dịch vụ buôn bán. Ngày nay những gia đình nông thôn thuần túy với lối sản xuất độc canh, tự cung tự cấp không còn chiếm đa số, xu hướng đi tới là kinh doanh tổng hợp và phân công lao động giữa các hộ

3- Xu hướng hạt nhân hóa gia đình có lợi cho bầu không khí dân chủ, bình đẳng trong quan hệ vợ chồng. Quan hệ thân tộc đang có khả năng hình thành những chức năng mới.

Những bước đi tự nhiên của gia đình nông thôn đã đem lại những hiệu quả xã hội rõ nét: sản xuất nông nghiệp, nông thôn được phục hồi trở lại sau một thời kỳ suy thoái, khủng hoảng nghiêm trọng, năng suất lao động trong sản xuất nông nghiệp tăng nhanh, sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp bắt đầu phát triển. Kinh tế hộ gia đình trong nhiều năm tới sẽ là khu vực thu hút nhiều nhất lao động ở nông thôn, góp phần giải quyết tình trạng thiếu việc làm, tận dụng tốt nhất lao động của phụ nữ người già, trẻ em.

4- Cơ chế khoán mới rõ ràng đã củng cố trở lại vai trò của gia đình trong đời sống xã hội ở nông thôn mà thời gian trước đây đã bị suy giảm và lu mờ trong kinh tế hợp tác xã. Tuy nhiên theo phương hướng sản xuất hàng hóa, hiện đại hóa nền nông nghiệp, đô thị hóa nông thôn, gia đình ở nông thôn đang đứng trước nhiều khó khăn và thử thách.

Phân công lao động ở nông thôn hiện nay vẫn chủ yếu là phân công lao động trong nội bộ gia đình, theo giới tính và độ tuổi. Đó là sự phân công lao động tự nhiên, sơ khai chứ chưa phải phân công lao động xã hội. Gia đình nông thôn ngày nay đang tiến tới sản xuất hàng hóa nhưng là sản xuất hàng hóa nhỏ, giản đơn, nhiều loại hàng, mỗi thứ một ít. Nguồn lợi do sản xuất mang lại cũng chủ yếu duy trì cuộc sống tằn tiện, thỏa mãn nhu cầu tất yếu, chưa có tích lũy lớn. Lý do: sự đa dạng hóa ngành nghề chỉ mới dừng lại ở chỗ nghề này bổ sung cho nghề kia. Làm một nghề không đủ sống phải làm nhiều nghề, chuyển sang làm hẳn một nghề thì mạo hiểm vì đầu vào, đầu ra không ổn định, bấp bênh, phụ thuộc vào chính sách kinh tế của nhà nước, chưa làm chủ được

thị trường, chưa chắc ăn. Và lại không ai đại gì mà bỏ ruộng vì ruộng đất vẫn được quan niệm là sản vật tự nhiên, ai cũng có quyền được hưởng. Nó được chia đều cho mọi nhà, ai không làm được cũng cứ nhận rồi thuê người khác làm hoặc cho thuê lại ruộng đất. Không ai dám bỏ ruộng đất vì dù sao đó vẫn là chỗ dựa cuối cùng của người nông dân. Người ta chưa thật tin tưởng lắm vào các nguồn thu nhật khác, dù hiện tại là những nguồn thu nhập rất cao so với làm ruộng. Bước đi tiếp theo của nông thôn là từ phân công lao động trong phạm vi gia đình tiến tới *phân công lao động giữa các gia đình với nhau*, tức là hình thành các *hộ chuyên*, chuyên sản xuất một loại sản phẩm. Hiện thời quy mô sản xuất của các hộ gia đình ở nông thôn rất nhỏ hẹp (ít sản phẩm, ít lao động, công cụ sản xuất thô sơ...). Muốn mở rộng quy mô sản xuất đi đôi với quá trình chuyên môn hóa là quá trình hợp tác hóa giữa các hộ. Sự hợp tác sẽ là cơ sở tạo ra sức mạnh cho một nghề sản xuất ở nông thôn: tăng vốn, tăng lao động, tập trung kinh nghiệm, kỹ thuật, thay đổi công cụ sản xuất. Như vậy quá trình công nghiệp hóa nông thôn sẽ là sự xuất hiện của các xí nghiệp sản xuất do sự hợp tác sản xuất của các hộ dưới hình thức đóng cổ phần. Điều này có liên quan đến một loạt vấn đề khác thuộc chính sách của nhà nước như quyền sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, quyền thuê nhân công lao động, chính sách thuế, vấn đề thị trường, tín dụng, quyền trao đổi buôn bán với thị trường trong nước và quốc tế...

Nếu chỉ sản xuất kinh doanh trong phạm vi một gia đình, nhất là trong tình hình gia đình nông thôn có xu hướng chia nhỏ thì rất khó mở rộng sản xuất, kinh doanh. Những sức mạnh của nông thôn bị phân tán. Tâm lý bình quân theo lối cổ truyền làng xã sẽ được củng cố, làm cho các gia đình nông dân yên tâm về sự ổn định lạc hậu của họ, làm cho họ rất dễ quay lại với những giá trị truyền thống, cản trở việc nảy sinh những hình thức tổ chức sản xuất mới ở nông thôn. Phương thức tập trung vốn và tư liệu sản xuất hiện nay trước hết là bằng cách liên kết giữa các hộ (liên kết vốn, tư liệu sản xuất), mặt khác là hình thức liên kết giữa các hộ gia đình và nhà nước (công tư hợp doanh), thậm chí liên kết hộ gia đình với các công ty tư bản nước ngoài. Như vậy người lao động ở nông thôn sẽ có hai vai trò: trực tiếp lao động sản xuất ở nông thôn theo nghĩa làm công ăn lương và người chủ theo nghĩa có vốn, có cổ phần trong cơ cấu sản xuất. Sự liên kết sản xuất kinh doanh giữa các hộ sẽ tránh được một tình hình là ở nông thôn có những hộ có năng lực làm ruộng tốt (có kinh nghiệm, vốn, có lao động...) nhưng không đủ đất để sản xuất. Ngược lại những hộ không có năng lực làm ruộng (ít lao động, không vốn, không có kinh nghiệm thâm canh...) vẫn giữ ruộng đất, họ làm ăn thua lỗ, không nộp đủ thuế, kê đọng sản phẩm kéo dài năm này sang năm khác.

Phương hướng tiến lên của nông thôn Bắc Bộ là giảm bớt lao động trong nông nghiệp chuyên

hắn sang sản xuất ngành nghề theo phương châm "rời ruộng nhưng không rời làng" (truyền thống của nông thôn xưa nay là đã rời ruộng là rời làng, còn đã ở làng thì phải bám ruộng). Chỉ khi nào hình thành hệ thống các "hộ chuyên" thì bộ mặt nông thôn mới thay đổi, xóa bỏ hẳn tình trạng tự cung, tự cấp. Có phân công lao động mới có đi sâu tìm tòi, phát minh, mới có cơ sở đưa khoa học kỹ thuật vào nông thôn. Lúc đó mới có người làm ruộng giỏi, người làm tiểu thủ công nghiệp giỏi, người chăn nuôi giỏi theo nghĩa hiện đại, áp dụng kỹ thuật và công nghệ mới. Và lúc đó thanh thiếu niên ở nông thôn mới bớt bỏ học vì chỉ có học thớt có trình độ quản lý, trình độ tiếp thu khoa học kỹ thuật để cạnh tranh, để phát triển sản xuất. Còn như hiện nay thì "học chẳng để làm gì" Để làm mây sào hoặc vài mẫu ruộng thì không cần phải học nhiều, ăn chắc là cái kinh nghiệm chứ chưa phải là học vấn, trí thức.

Cuối cùng, chúng tôi muốn nhắc lại nhận xét: Việc đổi mới cơ chế quản lý trong nông nghiệp đang có tác động mạnh mẽ làm biến đổi gia đình nông thôn nhưng đó không phải là sự phục hồi cấu trúc gia đình truyền thống. Gia đình nông thôn hiện nay như là một điểm nối giữa gia đình truyền thống và gia đình hiện đại. Hiện thực đó đòi hỏi chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu và tiến hành xác định lại những khái niệm như làng, xã, nông thôn, gia đình nông thôn, người nông dân... vốn đã ăn sâu trong tiềm thức chúng ta về một sự lạc hậu và trì trệ.